

UBND HUYỆN CÚ CHI
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108 /TP

Cù Chi, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Về việc triển khai tờ gấp tuyên
truyền quy định pháp luật

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kính gửi:

Số: 2401
Ngày: 25/6/2024
Chuyển: 25/6/2024
Số và ký hiệu HS:

- Thủ trưởng các phòng, ban huyện;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện;
- Báo cáo viên pháp luật huyện;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện năm 2024.

Nhằm kịp thời phổ biến, tuyên truyền một số điểm mới của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 và một số quy định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình. Phòng Tư pháp huyện (Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện) biên soạn tờ gấp về trích một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 và tờ gấp tuyên truyền một số quy định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình.

Kính đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban huyện; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện triển khai đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị.

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo công chức phụ trách tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật của đơn vị triển khai gửi tài liệu tuyên truyền đến cán bộ, công chức và hộ dân trên địa bàn để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân biết chấp hành đúng quy định của pháp luật.

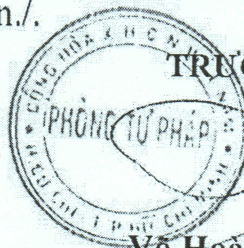
Đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban huyện; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện và báo cáo kết quả đến Phòng Tư pháp huyện (lồng ghép trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm gửi trước ngày 05 tháng 11 năm 2024 qua hộp thư điện tử: lhgiang.cuchi@tphcm.gov.vn).

(Đính kèm tờ gấp tuyên truyền)

Kính đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp thực hiện./.

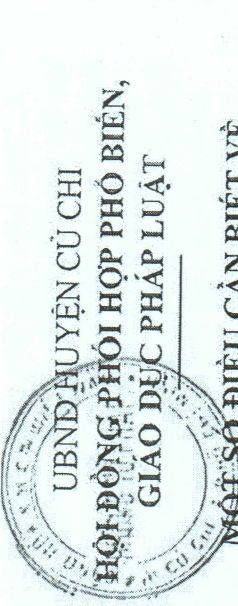
Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND huyện (để báo cáo);
- Lưu: VT. LHGiăng.



TRƯỞNG PHÒNG

Võ Hoàng Trung Dũng



UBND HUYỆN CÚ CHI
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÓ BIẾN,
GIAO DỤC PHÁP LUẬT

MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ
LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14/11/2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2023. Sau đây là trích một số điểm đáng chú ý của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình như sau:

I. Giải thích từ ngữ

(Điều 2 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

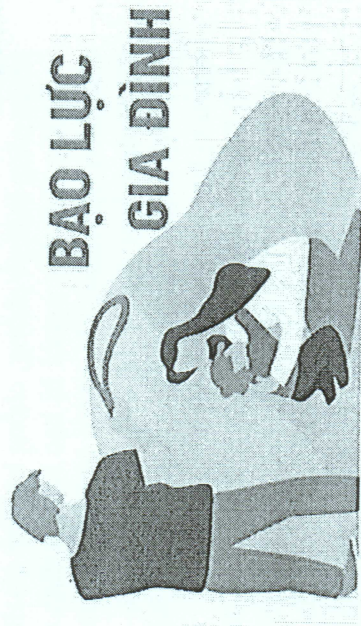
Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bạo lực gia đình* là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.
2. *Cấm tiếp xúc* là biện pháp cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần người bị bạo lực gia đình hoặc sử dụng phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
3. *Nơi tạm lánh* là địa điểm để bảo đảm an toàn cho người bị bạo lực gia đình.
4. *Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình* là quá trình cung cấp kiến thức, kỹ năng ứng xử, kiểm chế cảm xúc tiêu cực, kiểm soát hành vi, giải quyết mâu thuẫn giúp người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt bạo lực gia đình.

II. Hành vi bạo lực gia đình

(Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Hành vi bạo lực gia đình bao gồm:
a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;



BẠO LỰC
GIA ĐÌNH

Ảnh minh họa: Hành vi bạo lực gia đình.

- b) Lăng mạ, chỉ chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- c) Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;
- d) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

đ) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

e) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

g) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

h) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

i) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;

k) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

l) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

m) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

n) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

o) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

p) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;

q) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

2. Hành vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện giữa người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau cũng được xác định là hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

III. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình

(Điều 5 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Hành vi bạo lực gia đình quy định tại Điều 3 của Luật này.
2. Kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
3. Sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.
4. Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ người bị bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.
5. Cản trở việc phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn và xử lý hành vi bạo lực gia đình.
6. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hành vi trái pháp luật.
7. Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

IV. Quyền và trách nhiệm của người bị bạo lực gia đình

(Điều 9 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Người bị bạo lực gia đình có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến hành vi bạo lực gia đình;

b) Yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ theo quy định của Luật này;

c) Được bố trí nơi tạm lánh, giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, kỹ năng đề ứng phó với bạo lực gia đình, trợ giúp pháp lý và trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật;

đ) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản;

e) Được thông tin về quyền và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình, xử lý hành vi bạo lực gia đình;

g) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

h) Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm cung cấp đủ, chính xác, kịp thời thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

V. Trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình

(Điều 10 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Người có hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Chấm dứt hành vi bạo lực gia đình;

b) Chấp hành yêu cầu, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi áp dụng biện pháp

phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, điều trị. Chăm sóc người bị bạo lực gia đình, từ trường hợp người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình từ chối;

d) Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra cho người bị bạo lực gia đình, người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và tổ chức, cá nhân khác.

2. Người có hành vi bạo lực gia đình là người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình thì không được thực hiện quyền của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật quy định của Luật này đối với vụ việc bạo lực gia đình do mình thực hiện.

VI. Trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống bạo lực gia đình

(Điều 11 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)



1. Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình, yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình; tham gia chăm sóc người bị bạo lực gia đình.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Thực hiện các biện pháp trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

VII. Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình

(Điều 22 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình bao gồm:

a) Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình;

b) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;

c) Cầm tiếp xúc;

d) Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;

đ) Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình;

e) Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng đề ứng phó với hành vi bạo lực gia đình;

g) Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình;

h) Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư;

i) Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng;

k) Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ người bị hại theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

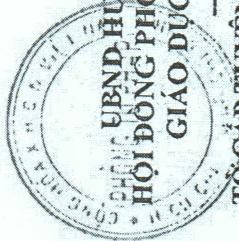
2. Việc áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều này đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ.

XIII. Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu

(Điều 28 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Người bị bạo lực gia đình được bố trí nơi tạm lánh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự nguyện hỗ trợ.

2. Người bị bạo lực gia đình được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội.



**LIÊN-HUYỀN CỬ CHI
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÓ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**TỔ-GẤP-TRUYỀN TRUYỀN MỘT SỐ
QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Nghị định có 4 Chương, 82 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022. Sau đây là trích một số nội dung của Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bạo lực gia đình.



Ảnh minh họa: Hành vi bạo lực với thành viên trong gia đình là vi phạm pháp luật

I. Hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình (Điều 52 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình;
- Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời hoặc không chăm sóc nạn nhân trong thời gian nạn nhân điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

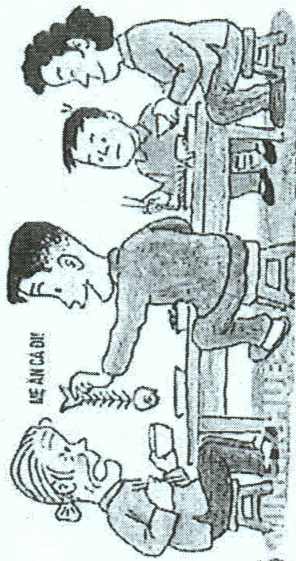
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này;
- Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

II. Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình (Điều 53 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Đối xử tồi tệ với thành viên gia đình như: bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân;



Ảnh minh họa: Hành vi đối xử tồi tệ với thành viên gia đình.

- Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người cao tuổi, yếu, khuyết tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

III. Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên gia đình (Điều 54 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu, tài liệu thuộc bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- Sử dụng các phương tiện thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình;
- Phổ biến, phát tán tờ rơi, bài viết, hình ảnh nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này;

- Buộc thu hồi tư liệu, tài liệu, tờ rơi, bài viết, hình ảnh đối với hành vi quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều này.

IV. Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý (Điều 55 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;

b) Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;

c) Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh bạo lực đối với người, con vật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cường ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;

b) Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

V. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau (Điều 56 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền thăm nom con theo quyết định của tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.

VI. Vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng (Điều 57 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;

b) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:
Buộc thực hiện nghĩa vụ đóng góp, nuôi dưỡng theo quy định đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

VII. Hành vi bạo lực về kinh tế (Điều 58 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

1) Chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình.

2) Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động.

3) Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống.

VIII. Hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ (Điều 59 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

IX. Hành vi bạo lực đối với người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình (Điều 60 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Đe dọa người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hành hung người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Đập phá, hủy hoại tài sản của người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

X. Hành vi cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình (Điều 61 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cưỡng bức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.